

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/CBTT/TCT

Tây Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

- Mã chứng khoán: **TCT**

- Địa chỉ: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh

- Điện thoại liên hệ: (0276) 3823448

- Email: catour@catour.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ (đã được soát xét).
- Báo cáo giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 tăng hơn 10% so với 6 tháng đầu năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2025 tại đường dẫn <https://catour.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



**Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT**

Phạm Thế Hùng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm 05/06/2025
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch	Miễn nhiệm 05/06/2025
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch/Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Võ Như Anh	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Trần Trung Kiên – Phó Chủ tịch/Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		354.790.311.268	330.505.329.732
110	I. Tiền và tương đương tiền		1.282.056.131	2.232.463.859
111	1. Tiền	3	1.282.056.131	2.232.463.859
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		18.385.000.000	11.595.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	18.385.000.000	11.595.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		324.221.762.308	306.099.246.892
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.900.208.144	1.055.794.657
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	301.000.000.000	301.000.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.321.554.164	4.043.452.235
140	IV. Hàng tồn kho		8.640.345.198	9.707.111.131
141	1. Hàng tồn kho	8	8.640.345.198	9.707.111.131
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.261.147.631	871.507.850
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.236.480.911	294.181.664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	577.326.186
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		24.666.720	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.422.981.655	12.527.764.077
220	I. Tài sản cố định		11.199.801.198	10.586.009.791
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.199.801.198	10.586.009.791
222	- Nguyên giá		296.226.484.723	295.026.108.234
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(285.026.683.525)	(284.440.098.443)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	812.220.494
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	812.220.494
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.223.180.457	1.129.533.792
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.223.180.457	1.129.533.792
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		367.213.292.923	343.033.093.809

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.522.520.207	7.382.596.579
310	I. Nợ ngắn hạn		13.522.520.207	7.382.596.579
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.744.610.949	2.428.478.078
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	9.221.625.179	3.119.609.930
314	3. Phải trả người lao động		886.299.635	1.166.247.032
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		353.604.256	373.822.290
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		148.136.368	11.318.183
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		84.568.249	62.268.649
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		83.675.571	220.852.417
400	D. NGUỒN VỐN		353.690.772.716	335.650.497.230
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	353.690.772.716	335.650.497.230
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.392.161.329	156.351.885.843
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		156.351.885.843	145.535.206.951
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		18.040.275.486	10.816.678.892
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		367.213.292.923	343.033.093.809



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Sô Kim Ý
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15	29.545.785.313	20.705.211.967
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		29.545.785.313	20.705.211.967
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	16	15.039.658.704	14.531.811.248
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		14.506.126.609	6.173.400.719
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	10.584.635.871	10.733.383.127
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	18	161.271.984	1.220.926.868
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.411.227.040	2.075.629.553
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.518.263.456	13.610.227.425
31	11. Thu nhập khác		65.856.342	-
32	12. Chi phí khác		384.191	5.726.676
40	13. Lợi nhuận khác		65.472.151	(5.726.676)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.583.735.607	13.604.500.749
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	4.543.460.121	2.747.485.485
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		18.040.275.486	10.857.015.264
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.411	849



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Sô Kim Ý
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.583.735.607	13.604.500.749
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		586.585.082	1.078.178.140
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(10.584.635.871)	(10.733.383.127)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.585.684.818	3.949.295.762
09	(Tăng) các khoản phải thu		(7.292.754.021)	(672.759.470)
10	Giảm/(Tăng) hàng tồn kho		1.066.765.933	(4.135.317.207)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		4.474.662.472	(9.930.552.698)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(2.035.945.912)	(2.354.768.353)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.773.507.138)	(4.650.845.441)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(137.176.846)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.887.729.306	(17.794.947.407)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(355.670.976)	(300.008.400)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(108.385.000.000)	(73.345.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		101.595.000.000	73.870.000.000
27	4. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		307.533.942	17.328.695.390
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.838.137.034)	17.553.686.990
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(950.407.728)	(241.260.417)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.232.463.859	2.265.003.393
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.282.056.131	2.023.742.976



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Sô Kim Ý
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 27 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo, máng trượt và các dịch vụ khác.

Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2025, hoạt động của Công ty không thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, do số lượng khách tham quan trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tăng mạnh khiến cho doanh thu kỳ này tăng so với kỳ trước. Bên cạnh đó, tỷ trọng định phí trong cơ cấu giá vốn chiếm tỷ trọng khá cao khiến cho giá vốn không thay đổi nhiều, dẫn đến lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận trước thuế tăng mạnh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- ▶ Thời gian hữu dụng của tài sản cố định;
- ▶ Dự phòng và phân loại các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 09 năm
▶ Các tài sản khác	04 - 09 năm
▶ Phần mềm kế toán, bản vé điện tử	03 năm

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 đến 24 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	242.860.584	7.483.772
Tiền gửi ngân hàng	1.039.195.547	2.224.980.087
	1.282.056.131	2.232.463.859

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 30/06/2025, "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" có giá trị 18.385.000.000 VND là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,6%/năm.

5. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh	8.897.813.144	892.769.409
Khác	2.395.000	163.025.248
	8.900.208.144	1.055.794.657
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 24)	8.897.813.144	1.055.794.657

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay các đối tượng doanh nghiệp với lãi suất vay quy định tại từng hợp đồng có thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của bên vay. Hình thức bảo đảm cho vay là tín chấp.

Thời gian đáo hạn các khoản vay gồm 2 đợt: đợt 1 đáo hạn 211 tỷ VND vào tháng 12 năm 2025 và đợt 2 đáo hạn 90 tỷ VND vào tháng 04 năm 2026.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	14.309.554.164	4.032.452.235
Tạm ứng	12.000.000	11.000.000
	14.321.554.164	4.043.452.235

8. Hàng tồn kho

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	4.712.584.717	5.251.352.241
Công cụ, dụng cụ	3.927.760.481	4.455.758.890
	8.640.345.198	9.707.111.131

9. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất	1.875.721.015	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	276.595.000	292.515.000
Chi phí khác	84.164.896	1.666.664
	2.236.480.911	294.181.664
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.223.180.457	1.129.533.792
	1.223.180.457	1.129.533.792

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Khác		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2025	69.416.747.861	209.114.680.607			2.794.211.455	11.542.593.469			2.157.874.842	295.026.108.234		
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.096.439.489	44.267.000			-	59.670.000			-	1.200.376.489		
Tại ngày 30/06/2025	70.513.187.350	209.158.947.607			2.794.211.455	11.602.263.469			2.157.874.842	296.226.484.723		
Hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2025	59.655.847.145	209.082.173.384			2.792.748.020	10.751.455.052			2.157.874.842	284.440.098.443		
Khấu hao	456.050.722	6.131.125			1.463.435	122.939.800			-	586.585.082		
Tại ngày 30/06/2025	60.111.897.867	209.088.304.509			2.794.211.455	10.874.394.852			2.157.874.842	285.026.683.525		
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2025	9.760.900.716	32.507.223			1.463.435	791.138.417			-	10.586.009.791		
Tại ngày 30/06/2025	10.401.289.483	70.643.098			-	727.868.617			-	11.199.801.198		

▶ Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 277.247.420.451 VND.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.219.987.488	692.583.815	-	527.403.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.772.234.138	4.543.460.121	2.773.507.138	-	4.542.187.121
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.388.050	174.940.895	209.995.665	24.666.720	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.751.442.030	-	-	3.751.442.030
Các loại thuế khác	-	336.987.742	293.258.768	229.654.155	-	400.592.355
	-	3.119.609.930	9.983.089.302	3.905.740.773	24.666.720	9.221.625.179

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thái Dương	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377
Công ty TNHH Xây dựng C.T.N. Tây Ninh	323.657.209	323.657.209	324.563.310	324.563.310
Khác	1.099.272.363	1.099.272.363	782.233.391	782.233.391
	2.744.610.949	2.744.610.949	2.428.478.078	2.428.478.078
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 24)	74.970.000	74.970.000	-	-

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	127.880.000.000	51.418.611.387	151.929.206.951	331.227.818.338
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	10.857.015.264	10.857.015.264
Tại ngày 30/06/2024	127.880.000.000	51.418.611.387	162.786.222.215	342.084.833.602
Tại ngày 01/01/2025	127.880.000.000	51.418.611.387	156.351.885.843	335.650.497.230
Lợi nhuận kỳ này	-	-	18.040.275.486	18.040.275.486
Tại ngày 30/06/2025	127.880.000.000	51.418.611.387	174.392.161.329	353.690.772.716

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00	65.220.800.000	51,00
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38	12.000.000.000	9,38
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62	8.459.600.000	6,62
Nhà đầu tư khác	42.199.600.000	33,00	42.199.600.000	33,00
	127.880.000.000	100,00	127.880.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

14. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 03/10/HĐ-TĐ ngày 24/10/2007, Hợp đồng thuê đất điều chỉnh số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/05/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	28.788.603.965	19.995.250.095
Dịch vụ khác	757.181.348	709.961.872
	29.545.785.313	20.705.211.967
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 24)	12.046.921.865	1.145.027.079

16. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	14.654.231.513	14.316.320.055
Dịch vụ khác	385.427.191	215.491.193
	15.039.658.704	14.531.811.248
Trong đó, giá vốn với bên liên quan (Thuyết minh 24)	3.900.503.578	5.856.220.919

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	10.584.635.871	10.733.383.127
	10.584.635.871	10.733.383.127

18. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.154.104	108.356.435
Chi phí bằng tiền khác	57.117.880	1.112.570.433
	161.271.984	1.220.926.868

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.771.395.216	1.419.931.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.335.720	126.982.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.316.845	332.658.343
Chi phí bằng tiền khác	144.179.259	196.057.491
	2.411.227.040	2.075.629.553

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	22.583.735.607	13.604.500.749
Điều chỉnh:		
Thù lao HĐQT không chuyên trách	127.200.000	132.926.676
	127.200.000	132.926.676
Thu nhập tính thuế	22.710.935.607	13.737.427.425
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	4.542.187.121	2.747.485.485
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.273.000	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.772.234.138	4.650.845.441
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.773.507.138)	(4.650.845.441)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.542.187.121	2.747.485.485

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.040.275.486	10.857.015.264
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.040.275.486	10.857.015.264
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.411	849

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.978.911	616.127.474
Chi phí nhân công	5.622.582.917	4.383.095.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	586.585.082	1.078.178.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.929.365.161	9.534.510.984
Chi phí khác bằng tiền	2.368.645.657	2.216.455.121
	17.612.157.728	17.828.367.669

23. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.046.921.865	1.145.027.079
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	157.915.642	361.489.254
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	11.889.006.223	783.537.825
Mua hàng hóa và dịch vụ		3.900.503.578	5.856.220.919
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	3.892.170.244	4.747.175.559
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	8.333.334	1.109.045.360

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		8.897.813.144	1.055.794.657
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	8.897.813.144	892.769.409
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	-	163.025.248
Phải trả người bán ngắn hạn		74.970.000	-
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	74.970.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	37.200.000
Ông Nguyễn Thành Đông	Chủ tịch HĐQT	6.200.000	-
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	333.000.000	386.199.387
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát		144.000.000	144.000.000
		604.200.000	657.399.387

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

26. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 11 tháng 08 năm 2025.



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu
Kế toán trưởng

Sô Kim Ý
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO
NÚI BÀ TÂY NINH
Số 58/2025/CV-TCT

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

(V/v: Báo cáo giải trình lợi nhuận 6 tháng
đầu năm 2025 tăng hơn 10% so với 6 tháng
đầu năm 2024)

Tây Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

TỜ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: -Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
-Sở Giao Dịch chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Trụ sở chính: Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Bình Minh, Tỉnh Tây
Ninh
Điện thoại: 0276 3 624139 Fax: 0276 3 823448
Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công Ty Cổ phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh
Mã Chứng khoán: TCT

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh xin báo cáo giải trình về kết quả kinh doanh
6 tháng đầu năm 2025 tăng hơn 10% so với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 như
sau:

TT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ +/-
1	Tổng doanh thu	40.196.277.526	31.438.595.094	27,86%
2	Tổng chi phí	17.612.541.919	17.834.094.345	-1,24%
3	Lợi nhuận trước thuế	22.583.735.607	13.604.500.749	66,00%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.040.275.486	10.857.015.264	66,16%

Nguyên nhân:

Do lượt khách tham gia dịch vụ cấp treo – xe trượt của Đơn vị tăng, dẫn đến doanh thu
6 tháng đầu năm 2025 tăng 27,86% so với doanh thu 6 tháng đầu năm 2024, do đó lợi
nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 tăng 66,16% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6
tháng đầu năm 2025 tăng so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024.

Trân trọng kính chào!

- Nơi nhận
- Như trên
 - Lưu

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh



Trần Trung Kiên